

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/DS-ST

Ngày 31/7/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Hồng Gái**.

2. Ông **Trần Huy Liệu**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 31 tháng 07 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2019/TLST-DS, ngày 20/05/2019 về vụ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-DS, ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Võ Thành Ph**, sinh năm: 1983 và chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm: 1985(*Có mặt*).

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1988 và chị **Lê Thị Mỹ T**, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp GG, xã SB, huyện HĐ, tỉnh KG (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Ph và chị Ch trình bày như sau: Do chỗ bạn bè quen biết nên vợ chồng anh chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T vay tiền nhiều lần. Cụ thể những lần vay như sau:

- Ngày 9/11/2015 (âm lịch): Anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T vay của anh chị số tiền **40.000.000 đồng**.

- Ngày 15/11/2015 (âm lịch): Anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T vay của anh chị số tiền **20.000.000 đồng**.

- Ngày 20/11/2015 (âm lịch): Anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T vay của anh chị số tiền **6.000.000 đồng**.

- Ngày 10/12/2015 (âm lịch): Anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T vay của anh chị số tiền **10.000.000 đồng**.

- Ngày 03/06/2016 (âm lịch): Anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T vay của anh chị số tiền **20.000.000 đồng**.

Tổng cộng là **96.000.000 đồng**

Khi vay hai bên có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng. Anh H, chị T đã đóng lãi cho anh chị được 2.400.000 đồng vào ngày 09/12/2015 (âm lịch).

Sau đó anh H, chị T không đóng lãi và cũng không trả nợ gốc cho vợ chồng anh chị nên anh H, chị T có viết tờ cam kết ngày 05/02/2018 hứa trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Anh H, chị T đã trả cho anh chị được 2.000.000 đồng vào tháng 02/2018 thì không trả nữa.

Nay anh chị yêu cầu vợ chồng anh H, chị T trả cho ông nợ gốc 94.000.000 đồng và anh chị không yêu cầu tính lãi.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Mỹ T trình bày như sau:* Anh chị thừa nhận có vay của vợ chồng anh Ph, chị Ch số tiền là 96.000.000 đồng nhưng anh chị đã trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại là 94.000.000 đồng. Anh chị xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, anh chị xin được xét xử vắng mặt vì phải đi làm ăn xa không về tham dự được.

Tại phiên tòa: Anh Ph, chị Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh H, chị T là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Ph, chị Ch yêu cầu vợ chồng anh H, chị T trả cho ông nợ gốc 94.000.000 đồng và anh chị không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện anh Ph, chị Ch đã cung cấp cho Tòa án đơn vay mượn ngày 09/11/2015 và tờ cam kết ngày 05/02/2018. Phía bị đơn anh H và chị T thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ anh Ph, chị Ch số tiền vay là 94.0000.000 đồng nhưng anh chị xin trả dần. Do đó, cần buộc vợ chồng anh H, chị T phải có nghĩa vụ trả cho anh Ph, chị Ch nợ gốc là 94.000.000 đồng.

Về lãi suất: Anh Ph, chị Ch không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ của anh H, chị T thì tại phiên tòa hôm nay anh Ph, chị Ch không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể xem xét được.

Từ những cơ sở và nhận định trên, buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Thành Ph, chị Nguyễn Thị Ch số tiền là 94.000.000 đồng.

[4] *Án phí dân sự giá ngạch:*

Án phí được tính như sau $94.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.700.000 \text{ đồng}$ (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T phải chịu là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Võ Thành Ph, chị Nguyễn Thị Ch số tiền tạm ứng án phí là 2.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 688 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 463, 465 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thành Ph, chị Nguyễn Thị Ch.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ trả cho anh Võ Thành Ph, chị Nguyễn Thị Ch số tiền là 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Ph, chị Ch cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng anh H, chị T còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự giá ngạch: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Lê Thị Mỹ T phải chịu là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trả lại cho anh Võ Thành Ph, chị Nguyễn Thị Ch số tiền tạm ứng án phí là 2.400.000 đồng theo lai thu số 0002352 ngày 13/05/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Anh Ph, chị Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án. Anh H, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã, thị trấn;
- CCTHADS;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo